

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.
- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;
- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);
- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;
- Tiến độ cung cấp hàng hóa;
- Yếu tố thân thiện môi trường;
- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);
- Các yếu tố cần thiết khác.

3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm¹: Không áp dụng.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản. Mức điểm yêu cầu tối

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.2 Mục 3 Chương này.

thiêu quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. Đối với gói thầu có yêu cầu kỹ thuật cao, mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật từ 80% đến 90% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. Đối với gói thầu cần xem xét trên cơ sở chú trọng tới các yếu tố kỹ thuật, chủ đầu tư có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không thấp hơn 80% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. E-HSDT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j \equiv \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

t_{ji} = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

w_{ji} = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

k = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát “j”, và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

$$T \equiv \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

S_j = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát “j”

W_j = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát “j”

n = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

$$\sum_{j=1}^n W_j = 1$$

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹: Áp dụng

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa		
Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ	- Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, và - Hàng hoá cung cấp mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở lại đây và - Nhà thầu cung cấp đầy đủ thông số, nhà thầu đề xuất chi tiết tất cả các thông tin của từng loại hàng hoá, bao gồm: Nhãn hiệu, hãng sản xuất, nước sản xuất, năm sản xuất (<i>ghi rõ 2025 hoặc 2026</i>), model (<i>ngoại trừ hàng hóa không có model, ký mã hiệu</i>) và quy cách đóng gói hàng hóa của các hàng hóa có trong E-HSMT (<i>Tên hãng sản xuất được ghi đầy đủ chính xác theo đúng tên gọi trong giấy đăng ký kinh doanh của hãng sản xuất đó, trường hợp sản phẩm chưa hoặc không đăng ký nhãn hiệu thì nhãn hiệu ghi theo tên hãng sản xuất</i>). Trường hợp ghi không đầy đủ sẽ được coi là không đáp ứng yêu cầu này và - Thông số kỹ thuật trong catalogue hoặc hình ảnh hoặc tài liệu kỹ thuật phải phù hợp, logic với với thông số kỹ thuật mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT.	Đạt
	Không đáp ứng một trong các yêu cầu nêu trên	Không đạt
2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa		
Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa.	Có thuyết minh chi tiết, cụ thể, khả thi giải pháp tổ chức cung cấp hàng hóa phù hợp với đặc thù của gói thầu và nguồn hàng dự định cung cấp. Trong đó trình bày chi tiết từng bước thực hiện, bộ phận thực hiện từ khi ký kết hợp đồng cho tới khi nghiệm thu, bàn giao	Đạt
	Không đáp ứng một trong các yêu cầu nêu trên	Không đạt
3. Tiến độ cung cấp hàng hóa & Khả năng tương thích thiết bị		
3.1. Tiến độ cung cấp hàng hóa		

Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT (≤ 05 ngày)	- Có biểu tiến độ cung cấp hàng hóa rõ ràng (≤ 05 ngày), cụ thể, hợp lý, khả thi và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT; - Và biểu tiến độ thể hiện theo sơ đồ ngang, chi tiết từng công việc (<i>Liên hệ đối tác, lên kế hoạch nhập hàng, nhập hàng, kiểm tra đầu vào, lưu kho, tập kết, thông báo kế hoạch giao hàng, giao hàng, nghiệm thu, bàn giao, thanh toán..... nhà thầu căn cứ đặc tính gói thầu và điều kiện đơn vị mình để xây dựng chi tiết nội dung thực hiện</i>), chi tiết thời gian cung cấp theo từng ngày theo yêu cầu của E-HSMT; - Và biểu tiến độ phải phù hợp với “giải pháp tổ chức cung cấp hàng hóa” được nhà thầu thuyết minh. Lưu ý: Biểu kế hoạch phải thể hiện theo từng ngày, việc nhà thầu không chào chi tiết tiến độ theo ngày sẽ bị đánh giá là Không đạt.	Đạt
	Không đáp ứng một trong các yêu cầu nêu trên	Không đạt
3.2. Khả năng tương thích thiết bị		
Khả năng tương thích với thiết bị sử dụng hiện có của đơn vị	Nhà thầu khi cung cấp hàng hoá, hóa chất, vật tư phải sử dụng được với các thiết bị hiện có tại đơn vị đang sử dụng bao gồm: - Máy phân tích huyết học Sysmex XP100; - Máy xét nghiệm miễn dịch LumiPulse G600II - Máy phân tích nước tiểu Erba LAURA; - Máy xét nghiệm sinh hóa AU480; - Máy xét nghiệm sinh hóa BA200;	Đạt
	Không chứng minh hàng hoá, hóa chất, vật tư khi cung cấp, không sử dụng được với các thiết bị hiện có đang sử dụng tại đơn vị:	Không đạt
4. Khả năng thích ứng và tác động đối với môi trường		
4.1. Khả năng thích ứng về địa lý		
Khả năng thích ứng về địa lý	Hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý với điều kiện khí hậu Việt Nam	Đạt
	Hàng hóa được cung cấp không thích ứng về địa lý với điều kiện khí hậu Việt Nam	Không đạt
4.2. Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết		
Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường và đề xuất biện pháp giải quyết	Hàng hóa được cung cấp không có ảnh hưởng tác động đến môi trường hoặc có ảnh hưởng ít nhưng đề xuất biện pháp giải quyết hợp lý	Đạt
	Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường hoặc có ảnh hưởng ít nhưng không đề	Không đạt

	xuất biện pháp giải quyết hợp lý	
5. Bảo hành		
5.1. Bảo hành		
Thời gian Bảo hành	Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng (hoặc thời gian bảo hành theo nhà sản xuất nhưng không thấp hơn yêu cầu trên) và có thuyết minh về chế độ bảo hành.	Đạt
	Thời gian bảo hành < 12 tháng (hoặc thời gian bảo hành theo nhà sản xuất nhưng thấp hơn yêu cầu trên) hoặc không có thuyết minh về chế độ bảo hành.	Không đạt
5.2. Các cam kết bảo hành		
Cam kết về bảo hành	- Có cam kết bảo hành đổi trả với thời gian tối thiểu 6 tháng kể từ thời điểm nghiệm thu, bàn giao; - Và cam kết đổi trả hàng hóa trong vòng 24 giờ tại địa điểm cung cấp nếu hàng hóa lỗi, hỏng do nguyên nhân từ phía nhà sản xuất hoặc từ phía nhà thầu; - Và cam kết tất cả hàng hóa còn tối thiểu 2/3 thời hạn sử dụng theo tiêu chuẩn nhà sản xuất.	Đạt
	Không đáp ứng một trong các yêu cầu nêu trên	Không đạt
6. Uy tín của nhà thầu		
6.1. Uy tín của nhà thầu (thông qua việc tham dự thầu)		
Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu các công trình/dự án trước đó trong vòng 03 năm (2023, 2024 và 2025) trở lại đây.	- Nhà thầu không vi phạm ít nhất 2 nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025.	Đạt
	- Nhà thầu vi phạm ít nhất 2 nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025.	Không đạt
6.2. Uy tín của nhà thầu (thông qua việc thực hiện hợp đồng)		
Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó trong vòng 03 năm (2023, 2024 và 2025) trở lại đây.	Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ (đối với nhà thầu đang triển khai cung cấp thời gian chậm tiến độ được tính theo tiến độ chi tiết của từng phần việc của gói thầu đó) và nhà thầu không vi phạm chất lượng hàng hóa (<i>Nhà thầu phải cung cấp bản cam kết nội dung này</i>)	Đạt
	- Có một hợp đồng tương tự bị chậm tiến độ mà nguyên nhân do lỗi chủ quan của nhà thầu đã bị Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án nhắc nhở cảnh cáo đến lần thứ 3 (được ghi trong Biên bản kiểm tra hiện trường, văn bản cảnh cáo hoặc các văn bản đôn đốc	Chấp nhận được

	thực hiện hợp đồng) nhưng nhà thầu không khắc phục hoặc khắc phục không đảm bảo yêu cầu làm ảnh hưởng đến tiến độ cung cấp hàng hóa, có thời gian chậm tiến độ từ 15% trở lên so với thời gian thực hiện hợp đồng ghi trong hợp đồng nhưng lại có một hợp đồng tương tự khác được giải thưởng về chất lượng hàng hóa hoặc có một hợp đồng tương tự khác đã được thưởng do thời gian thi công hoàn thành sớm hơn so với thời gian thực hiện hợp đồng ghi trong hợp đồng hoặc - Có một hợp đồng tương tự bị chậm tiến độ mà nguyên nhân do lỗi chủ quan của nhà thầu đã bị Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án nhắc nhở cảnh cáo đến lần thứ 3 (được ghi trong Biên bản kiểm tra hiện trường, văn bản cảnh cáo hoặc các văn bản đôn đốc thực hiện hợp đồng) nhưng nhà thầu đã khắc phục cơ bản đảm bảo yêu cầu, có thời gian chậm tiến độ dưới 15% so với thời gian thực hiện hợp đồng ghi trong hợp đồng hoặc - Có một hợp đồng tương tự mà nhà thầu vi phạm chất lượng, tiến độ bị phạt hợp đồng với mức phạt hợp đồng dưới 5% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm	
	- Có một hợp đồng tương tự bị chậm tiến độ (đối với nhà thầu đang thi công thời gian chậm tiến độ được tính theo tiến độ chi tiết của từng phần công việc của gói thầu đó) “Sau đây gọi là hợp đồng chậm tiến độ” mà nguyên nhân do lỗi chủ quan của nhà thầu đã bị Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án nhắc nhở cảnh cáo đến lần thứ 3 (được ghi trong Biên bản kiểm tra hiện trường, văn bản cảnh cáo hoặc các văn bản đôn đốc thực hiện hợp đồng) nhưng nhà thầu không khắc phục hoặc khắc phục không đảm bảo yêu cầu làm ảnh hưởng đến tiến độ hàng hóa, có thời gian chậm tiến độ từ 15% trở lên so với thời gian thực hiện hợp đồng ghi trong hợp đồng. Đối với gói thầu đang thi công thời gian chậm tiến độ được tính theo tiến độ chi tiết của từng phần việc của gói thầu đó hoặc - Có một hợp đồng tương tự mà nhà thầu vi phạm chất lượng, tiến độ bị phạt hợp đồng với mức phạt từ 5% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm trở lên hoặc - Nhà thầu thực hiện hợp đồng chậm tiến độ, không đảm bảo chất lượng hàng hóa đến mức Chủ đầu tư phải chấm dứt hợp đồng hoặc - Nhà thầu tự ý chuyển nhượng phần công việc của gói thầu cho nhà thầu khác từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng có giá trị trên 50 tỷ đồng tính trên giá trị	Không đạt

	hợp đồng đã ký kết (bán thầu) hoặc - Nhà thầu không thực hiện trách nhiệm sửa chữa, bảo hành trong thời gian bảo hành theo quy định của hợp đồng mà Chủ đầu tư, Ban QLDA đã nhắc nhở bằng văn bản đến lần thứ 3.	
7. Các yếu tố cần thiết khác		
Catalogue, thông số kỹ thuật, hình ảnh của hàng hóa dự thầu	E-HSDT phải có đầy đủ catalogue, thông số kỹ thuật, hình ảnh đối với hàng hóa dự thầu kèm theo E-HSDT. Hình ảnh đảm bảo đúng sản phẩm mà nhà thầu chào dự thầu, chất lượng hình ảnh rõ nét, Catalogue phải chính xác với Catalogue được nhà sản xuất công bố chính thức (trên website hoặc các hình thức khác).	Đạt
	Không đáp ứng nội dung trên	Không đạt
Kết luận: Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.		